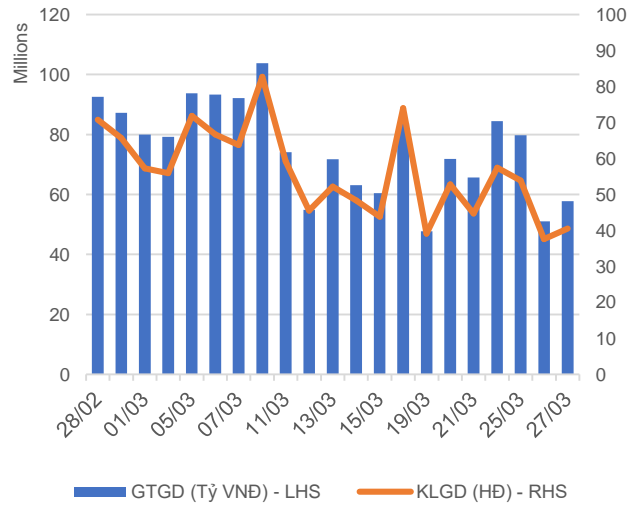
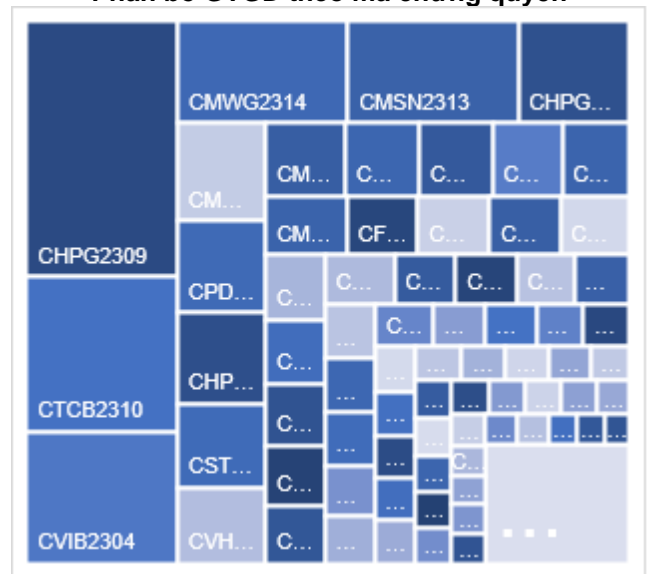


Thị trường chứng quyền ít có diễn biến đáng chú ý trong phiên hôm nay khi các cổ phiếu cơ sở trong nhóm VN30 chủ yếu biến động trong biên độ hẹp. Thanh khoản của thị trường chứng quyền tăng nhẹ so với phiên trước và các chứng quyền của HPG, MWG là những mã được giao dịch tích cực nhất. Chúng tôi cho rằng NĐT có thể mua vào với tỷ trọng thấp để thăm dò, ưu tiên các chứng quyền của các cổ phiếu cơ sở đang có xu hướng ngắn hạn tích cực.

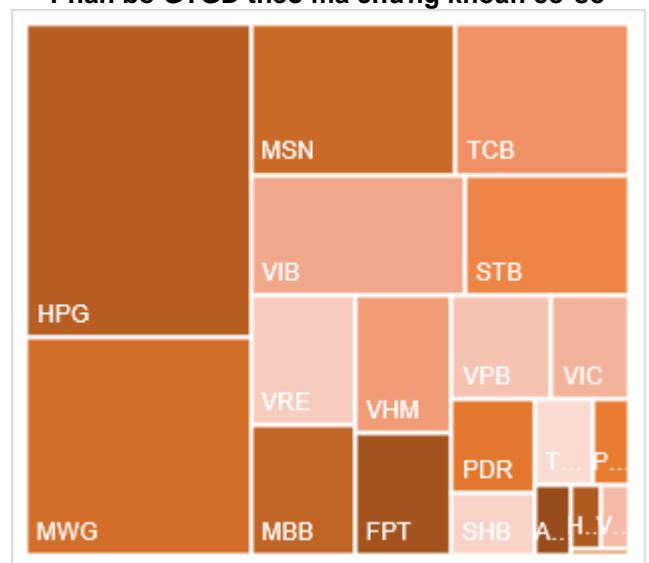
Giá trị giao dịch và Khối lượng giao dịch



Phân bố GTGD theo mã chứng quyền



Phân bố GTGD theo mã chứng khoán cơ sở



Nguồn: YSVN

KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRONG PHIÊN VÀ CÁC CHỈ SỐ LIÊN QUAN

Mã	Thay đổi(+/-%)	Đóng cửa	KLGD (Hợp đồng)	GTGD (tỷ VNĐ)	Trạng thái tiền	Premium	Đòn bẩy	Số phiên còn lại	Độ biến động ngầm định
CACB2304	-0.9%	2190	3,000	0.006	ITM	5.6%		182	43%
CACB2305	-1.0%	1020	186,500	0.19	ITM	7.6%		196	45%
CACB2306	0.5%	2210	69,300	0.153	ITM	2.3%		117	38%
CACB2307	-5.1%	750	23,300	0.017	ITM	5.4%		147	36%
CACB2401	0.0%	1830	8,600	0.015	ITM	2.4%		84	30%
CFPT2305	0.0%	4980	1,600	0.007	ITM	1.1%	2.34	21	164%
CFPT2309	-0.9%	4530	15,900	0.071	ITM	0.6%	3.22	40	64%
CFPT2310	-0.5%	4300	121,900	0.519	ITM	2.9%	3.30	131	49%
CFPT2313	-1.3%	2220	201,200	0.436	ITM	6.1%	4.35	135	46%
CFPT2314	-0.7%	2870	222,600	0.629	ITM	11.7%	3.19	288	48%
CFPT2315	0.0%	4880	-	0	ITM	3.3%	2.95	28	148%
CFPT2316	0.0%	3560	12,700	0.045	ITM	2.1%	3.20	117	49%
CFPT2317	-2.9%	1690	19,700	0.032	ITM	9.7%	3.59	239	44%
CFPT2318	-3.0%	2600	9,500	0.024	ITM	4.0%	4.81	110	42%
CHDB2306	-1.2%	1700	161,900	0.279	ITM	4.6%	3.73	91	63%
CHPG2309	0.4%	2330	2,378,700	5.687	ITM	1.3%	4.26	58	48%
CHPG2315	13.7%	1740	100	0	ITM	13.5%	3.38	89	94%
CHPG2316	3.7%	1410	172,500	0.247	ITM	12.8%	3.68	180	53%
CHPG2319	3.6%	870	72,000	0.063	ITM	9.8%	5.27	91	51%
CHPG2321	2.0%	2010	90,000	0.188	ITM	-0.2%	5.07	21	0%
CHPG2322	-14.4%	2500	6,200	0.014	ITM	14.4%	3.73	112	68%
CHPG2326	5.6%	950	1,202,100	1.181	ITM	2.3%	6.93	40	47%
CHPG2328	4.1%	1520	11,100	0.017	ITM	3.1%	7.80	40	45%
CHPG2329	1.0%	1950	824,200	1.667	ITM	7.5%	5.29	131	39%
CHPG2331	2.1%	970	557,600	0.546	ITM	10.5%	3.79	196	47%
CHPG2332	2.1%	980	142,000	0.143	ITM	12.4%	3.62	229	47%
CHPG2333	2.0%	1000	106,800	0.108	ITM	14.4%	3.44	257	47%
CHPG2334	1.3%	770	644,400	0.5	ITM	16.5%	3.26	288	48%
CHPG2336	8.0%	940	3,700	0.003	ITM	4.2%	6.62	40	60%
CHPG2337	3.0%	1030	2,900	0.003	ITM	10.4%	4.70	100	55%
CHPG2338	2.2%	1380	50,100	0.067	ITM	16.1%	3.44	194	56%
CHPG2339	4.5%	3940	2,700	0.01	ITM	24.5%	2.43	285	69%
CHPG2340	0.0%	2220	-	0	ITM	3.5%	4.55	28	102%
CHPG2341	0.6%	1660	2,400	0.003	ITM	8.9%	5.63	117	41%
CHPG2342	3.2%	980	75,100	0.071	ITM	10.5%	2.72	239	63%
CHPG2343	-2.1%	1370	41,700	0.06	ITM	4.9%	5.67	79	45%
CHPG2401	0.0%	790	1,700	0.001	OTM	9.1%	6.82	84	41%
CMBB2306	-0.4%	4970	23,400	0.116	ITM	0.4%	3.00	58	0%
CMBB2309	0.0%	1600	491,000	0.787	ITM	0.4%	3.95	40	36%
CMBB2311	-0.9%	3140	26,400	0.082	ITM	-0.1%	4.02	40	0%
CMBB2312	1.6%	3270	22,500	0.072	ITM	2.9%	3.63	131	43%
CMBB2314	0.0%	1580	282,200	0.444	ITM	4.0%	3.67	135	48%
CMBB2315	-1.0%	1890	105,200	0.2	ITM	8.9%	2.89	288	49%
CMBB2316	-1.1%	880	45,700	0.04	ITM	5.9%	2.87	40	154%
CMBB2317	0.0%	1230	-	0	ITM	3.4%	3.75	147	40%
CMBB2318	0.0%	1980	48,000	0.095	ITM	2.5%	3.06	180	37%
CMBB2401	-1.9%	2640	74,000	0.194	ITM	-0.1%	4.57	84	0%
CMSN2302	2.6%	2000	437,700	0.857	ITM	3.4%	5.42	58	52%
CMSN2307	-5.3%	540	1,159,400	0.616	OTM	17.2%	4.83	91	54%
CMSN2311	-8.3%	660	604,800	0.402	OTM	24.4%	4.00	131	53%
CMSN2313	2.1%	990	2,662,800	2.537	OTM	19.2%	3.81	196	50%
CMSN2315	-5.0%	380	11,600	0.004	OTM	13.8%	5.04	40	66%
CMSN2316	-0.9%	1060	39,400	0.041	OTM	25.4%	3.00	194	60%
CMSN2317	0.0%	1670	107,000	0.176	OTM	32.9%	2.42	285	62%
CMWG2305	14.4%	3900	183,900	0.705	ITM	0.8%	3.26	58	52%
CMWG2309	28.1%	410	1,726,700	0.729	OTM	10.6%	8.27	40	51%
CMWG2310	33.3%	1080	209,500	0.191	OTM	18.1%	4.18	131	55%

CMWG2312	35.3%	460	1,587,600	0.793	OTM	13.2%	6.85	29	58%
CMWG2313	21.5%	1130	369,200	0.401	ITM	12.0%	4.49	135	50%
CMWG2314	12.2%	920	2,775,100	2.553	OTM	20.7%	3.21	288	50%
CMWG2315	21.7%	280	156,900	0.04	ITM	7.5%	5.97	40	72%
CMWG2316	10.0%	1100	1,166,300	1.275	ITM	7.7%	5.13	149	37%
CMWG2317	30.5%	770	7,900	0.005	ITM	7.7%	6.46	28	78%
CMWG2318	4.0%	1800	354,200	0.629	ITM	4.1%	4.04	117	47%
CNVL2305	-5.4%	1220	38,600	0.047	ITM	20.9%	3.14	91	124%
CPDR2305	1.0%	3150	386,100	1.2	ITM	2.2%		91	77%
CPOW2306	11.1%	100	17,100	0.001	OTM	41.5%		91	54%
CPOW2308	0.0%	80	181,900	0.013	OTM	8.3%		21	59%
CPOW2309	10.0%	110	15,400	0.001	OTM	28.6%		51	60%
CPOW2313	0.0%	460	333,000	0.15	OTM	20.6%		100	59%
CPOW2314	2.8%	730	301,600	0.224	OTM	27.3%		194	59%
CPOW2315	7.4%	1020	93,400	0.09	OTM	35.3%		285	65%
CSHB2302	-4.7%	410	422,900	0.165	OTM	11.5%		40	70%
CSHB2303	0.0%	750	-	0	OTM	20.4%		99	75%
CSHB2304	-2.7%	360	16,000	0.005	OTM	17.1%		100	76%
CSHB2305	0.0%	430	604,600	0.246	OTM	27.9%		194	74%
CSHB2306	-0.8%	1310	270,000	0.348	OTM	33.9%		285	73%
CSTB2306	-1.6%	1270	873,100	1.096	ITM	5.3%	7.59	58	41%
CSTB2312	-4.4%	430	75,000	0.032	OTM	14.8%	5.87	89	50%
CSTB2313	0.0%	630	-	0	OTM	25.3%	3.84	180	53%
CSTB2316	-3.7%	260	3,200	0	OTM	21.8%	6.07	91	49%
CSTB2318	7.7%	700	2,400	0.001	OTM	12.6%	4.99	51	71%
CSTB2319	-1.8%	540	49,000	0.024	ITM	3.1%	5.97	21	90%
CSTB2322	-3.4%	560	694,300	0.391	ITM	4.3%	8.71	40	43%
CSTB2324	-12.1%	510	11,600	0.005	OTM	6.9%	8.05	40	51%
CSTB2325	2.1%	990	1,100	0.001	OTM	14.8%	4.25	131	55%
CSTB2326	-3.5%	550	400	0	OTM	10.4%	8.52	29	56%
CSTB2327	-1.9%	520	1,092,100	0.556	OTM	13.7%	5.16	135	45%
CSTB2328	0.0%	590	415,900	0.247	OTM	22.1%	3.54	288	47%
CSTB2330	-9.1%	200	128,500	0.025	OTM	12.6%	9.87	40	47%
CSTB2331	-8.1%	340	668,000	0.226	OTM	18.8%	6.05	100	47%
CSTB2333	0.0%	2440	-	0	OTM	32.7%	2.77	285	58%
CSTB2334	-3.3%	2360	36,000	0.086	ITM	10.3%	3.36	149	63%
CSTB2335	0.0%	950	-	0	OTM	9.5%	5.67	28	87%
CSTB2336	-15.4%	440	18,700	0.008	OTM	7.4%	7.58	55	47%
CSTB2337	-1.7%	1150	21,100	0.024	ITM	13.4%	2.89	239	59%
CSTB2338	-7.9%	1290	206,800	0.274	ITM	6.4%	5.50	79	48%
CSTB2401	0.0%	1000	-	0	OTM	10.0%	5.71	84	50%
CTCB2302	-1.3%	6300	18,900	0.117	ITM	0.8%	2.41	58	75%
CTCB2306	-3.9%	3430	71,800	0.253	ITM	0.4%	3.32	40	44%
CTCB2307	-4.3%	3320	4,300	0.014	ITM	3.8%	3.24	131	55%
CTCB2309	0.0%	4210	2,300	0.009	ITM	4.6%	3.25	182	45%
CTCB2310	-1.8%	1660	2,111,900	3.449	ITM	6.0%	3.07	196	51%
CTCB2311	-3.1%	4980	6,100	0.03	ITM	3.1%	3.05	28	140%
CTCB2312	-0.6%	4690	15,000	0.069	ITM	2.5%	3.15	110	55%
CTCB2401	0.0%	5500	-	0	ITM	-1.2%	4.02	84	0%
CTPB2304	-4.7%	410	30,700	0.012	ITM	6.9%		40	60%
CTPB2305	-3.1%	630	906,100	0.559	OTM	13.8%		100	62%
CTPB2306	-2.2%	1810	85,100	0.151	OTM	22.4%		194	67%
CTPB2401	0.0%	1090	25,000	0.027	ITM	7.7%		84	48%
CVHM2302	-18.0%	410	731,200	0.308	OTM	21.5%	3.34	58	60%
CVHM2307	-6.3%	150	17,700	0.002	OTM	50.3%	0.46	91	69%
CVHM2311	0.0%	340	5,600	0.002	OTM	46.4%	1.32	131	61%
CVHM2312	-21.4%	110	22,100	0.002	OTM	33.1%	0.45	40	69%
CVHM2313	-2.0%	500	177,000	0.088	OTM	29.4%	2.79	196	59%
CVHM2315	-4.0%	240	700	0	OTM	24.3%	1.13	40	86%
CVHM2316	-5.7%	330	6,600	0.002	OTM	26.8%	2.85	100	61%
CVHM2317	-1.8%	560	913,800	0.499	OTM	33.7%	2.46	194	60%
CVHM2318	-0.8%	1210	804,400	0.985	OTM	40.0%	2.13	285	61%

CVHM2319	7.7%	280	35,800	0.009	OTM	25.6%	0.42	28	93%
CVHM2401	-0.8%	1310	61,400	0.079	OTM	13.5%	4.30	84	66%
CVIB2302	-2.2%	3550	14,300	0.049	ITM	0.7%		58	33%
CVIB2304	-2.6%	1490	1,994,600	2.916	ITM	4.3%		135	47%
CVIB2305	0.0%	980	778,400	0.749	ITM	12.0%		288	46%
CVIB2306	-2.3%	4200	22,700	0.095	ITM	2.0%		149	42%
CVIB2307	0.0%	1550	-	0	ITM	12.4%		147	74%
CVIB2401	-2.1%	2300	37,500	0.085	ITM	2.8%		84	43%
CVIC2306	23.5%	420	44,000	0.014	OTM	39.4%	0.65	91	83%
CVIC2308	0.0%	500	575,800	0.285	OTM	16.9%	4.20	135	52%
CVIC2309	-1.8%	550	622,700	0.347	OTM	22.2%	3.55	196	51%
CVIC2312	0.0%	450	313,100	0.134	OTM	20.8%	3.21	100	64%
CVIC2313	-2.9%	680	614,800	0.415	OTM	28.1%	2.53	194	64%
CVIC2314	-0.5%	1990	8,300	0.016	OTM	37.1%	1.86	285	73%
CVNM2306	-3.7%	520	121,300	0.061	OTM	13.2%	5.57	91	47%
CVNM2308	-1.7%	590	41,500	0.024	ITM	6.7%	7.98	40	52%
CVNM2310	-2.4%	410	113,500	0.045	OTM	21.7%	4.45	135	45%
CVNM2311	-1.5%	660	205,000	0.134	OTM	25.4%	4.08	288	39%
CVNM2313	-6.7%	140	122,600	0.012	OTM	23.6%	1.12	40	64%
CVNM2314	-5.8%	650	5,000	0.003	OTM	33.3%	2.64	194	52%
CVNM2315	0.9%	2170	100	0	OTM	#####	0.00	285	500%
CVNM2316	1.0%	970	100	0	ITM	8.1%	5.73	28	103%
CVPB2305	0.0%	890	120,100	0.102	ITM	0.5%	7.16	21	41%
CVPB2309	-6.7%	140	737,500	0.107	OTM	12.1%	10.38	40	47%
CVPB2311	-4.2%	690	274,700	0.19	ITM	6.4%	8.21	40	50%
CVPB2312	-1.9%	1020	63,800	0.068	OTM	12.0%	5.48	131	43%
CVPB2314	0.0%	270	228,900	0.059	OTM	22.0%	6.44	135	43%
CVPB2315	0.0%	330	1,189,000	0.378	OTM	28.8%	4.43	288	42%
CVPB2316	0.0%	120	63,100	0.006	OTM	17.0%	6.27	40	59%
CVPB2317	6.7%	320	145,000	0.045	OTM	22.9%	4.70	100	56%
CVPB2318	1.8%	560	658,400	0.402	OTM	30.4%	3.31	194	58%
CVPB2319	0.0%	1830	-	0	OTM	40.0%	2.23	285	68%
CVPB2320	2.2%	460	100	0	OTM	13.7%	4.49	28	88%
CVPB2321	0.0%	530	366,900	0.18	ITM	10.8%	3.71	147	56%
CVPB2322	-5.0%	570	28,100	0.016	OTM	13.7%	4.84	180	42%
CVRE2303	-1.2%	800	188,800	0.15	ITM	5.6%	6.96	58	45%
CVRE2308	-14.3%	300	8,000	0.002	OTM	26.5%	3.63	91	62%
CVRE2312	-6.9%	270	646,700	0.186	OTM	10.1%	8.65	40	50%
CVRE2313	-3.7%	520	190,000	0.101	OTM	21.7%	4.50	131	52%
CVRE2315	-3.0%	320	1,006,500	0.313	OTM	25.5%	4.00	196	50%
CVRE2317	0.0%	200	19,300	0.003	OTM	18.7%	4.63	40	64%
CVRE2318	-8.1%	340	743,500	0.245	OTM	24.7%	4.61	100	54%
CVRE2319	-3.2%	600	362,200	0.203	OTM	31.7%	3.42	194	55%
CVRE2320	0.0%	2000	-	0	OTM	40.0%	2.35	285	64%
CVRE2321	-4.8%	400	40,500	0.015	OTM	17.9%	2.70	28	97%
CVRE2322	-8.2%	1450	159,800	0.225	ITM	9.2%	4.20	117	56%
CVRE2323	-5.8%	980	600,600	0.61	ITM	6.9%	5.78	79	47%

Nguồn: FiinPro, YSVN

Premium = (Giá thực hiện + Giá chứng quyền x Tỷ lệ chuyển đổi) - Giá hiện tại của CKCS (Chênh lệch giữa Giá hòa vốn và giá hiện tại của CKCS).
 Đòn bẩy (Effective gearing) càng cao thì độ biến động theo CKCS càng lớn.
 Để hạn chế rủi ro, NĐT nên lựa chọn những Chứng quyền đang có Trạng thái tiền dương (ITM), có Tỷ lệ Premium hoặc Độ biến động ngầm định thấp.
 Ngoài ra, NĐT cũng nên ưu tiên giao dịch các Chứng quyền có Số phiên còn lại (thời gian tới khi đáo hạn) cao (trên 02 tuần) để hạn chế rủi ro

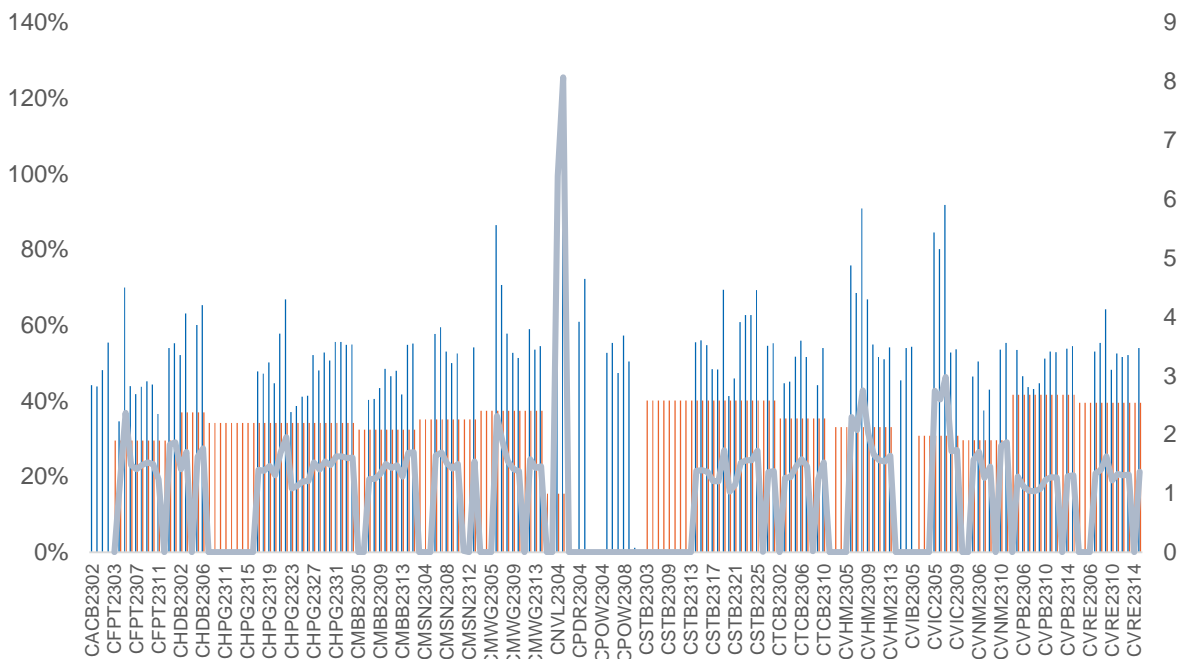


BẢNG TỔNG HỢP KHUYẾN NGHỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU CƠ SỞ

Mã	Giá khuyến nghị	Giá hiện tại	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức mục tiêu ngắn hạn	Upside ngắn hạn so với giá hiện tại	Mức cắt lỗ ngắn hạn	Reward/Risk
CTD		73.50	GIẢM	TĂNG			76.15	-
DPM		35.85	GIẢM	TĂNG			36.89	-
FPT	99.90	115.20	TĂNG	TĂNG	111.89	-3%	111.50	(1.03)
HDB	23.90	24.15	TĂNG	TĂNG	25.77	7%	23.03	2.14
HPG		30.60	GIẢM	TĂNG			31.00	-
MBB	24.75	25.30	TĂNG	TĂNG	27.91	10%	23.82	3.40
MSN		75.40	GIẢM	TĂNG			79.96	-
MWG	49.10	50.70	TĂNG	TĂNG	55.64	10%	46.55	2.56
NVL	17.10	18.10	TĂNG	TĂNG	19.47	8%	16.83	8.82
PNJ	95.70	97.50	TĂNG	TĂNG	107.85	11%	95.94	(49.64)
REE	58.30	63.90	TĂNG	TĂNG	66.51	4%	61.48	(2.59)
STB	31.65	30.90	TĂNG	TĂNG	36.02	17%	30.60	4.16
TCB	42.30	45.55	TĂNG	TĂNG	45.77	0%	42.72	(8.22)
VHM		42.50	GIẢM	GIẢM			44.14	-
VIC	47.00	47.05	TĂNG	TĂNG	53.39	13%	44.83	2.95
VJC		103.00	GIẢM	TĂNG			104.08	-
VNM		67.70	GIẢM	GIẢM			69.74	-
VPB	19.60	19.60	TĂNG	GIẢM	22.90	17%	18.66	3.53
VRE	27.55	25.95	TĂNG	TĂNG	30.10	16%	25.40	1.18

Nguồn: YSVN

ĐỘ BIẾN ĐỘNG NGẪM ĐỊNH CỦA CHỨNG QUYỀN VS. ĐỘ BIẾN ĐỘNG QUÁ KHỨ CỦA CKCS



Nguồn: YSVN

(*) Cột màu cam là Độ biến động quá khứ của cổ phiếu cơ sở; Cột màu xanh là Độ biến động ngầm định của CW; Đường trend line màu xanh là tỷ lệ Độ biến động ngầm định/Độ biến động lịch sử.

(*) NĐT có thể sử dụng “Độ biến động ngầm định” để so sánh các chứng quyền có cùng chứng khoán cơ sở. Độ biến động ngầm định càng lớn thì kỳ vọng về mức độ biến động giá của CKCS càng cao (hay nói cách khác, Độ biến động ngầm định càng lớn thì chứng quyền càng đắt).

THÔNG TIN CHỨNG QUYỀN

Mã chứng quyền	TCPH	Thời hạn	Tỷ lệ chuyển đổi	Giá phát hành	Khối lượng phát hành	Giá thực hiện	Ngày giao dịch cuối cùng
CACB2304	BSI	12 tháng	3	1,490	2,000,000	23,000	23/09/2024
CACB2305	SSI	12 tháng	6	1,000	25,000,000	24,000	07/10/2024
CACB2306	VND	8 tháng	3	3,300	10,000,000	22,000	18/07/2024
CACB2307	VND	9 tháng	6	1,300	6,000,000	25,000	19/08/2024
CFPT2305	VND	10 tháng	9.8844	4,000	2,000,000	67,214	15/04/2024
CFPT2309	HCM	9 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	80,064	03/05/2024
CFPT2310	HCM	12 tháng	7.9075	2,000	5,000,000	84,512	02/08/2024
CFPT2311	CK ACB	7 tháng	9.8844	1,200	10,000,000	86,500	14/03/2024
CFPT2312	VCI	6 tháng	4.9422	1,650	5,000,000	91,529	13/02/2024
CFPT2313	SSI	10 tháng	10	2,200	12,000,000	100,000	07/08/2024
CFPT2314	SSI	16 tháng	10	2,600	11,000,000	100,000	07/01/2025
CFPT2315	MBS	6 tháng	8	3,200	2,000,000	80,000	22/04/2024
CFPT2316	VND	8 tháng	10	3,300	10,000,000	82,000	18/07/2024
CFPT2317	VND	12 tháng	15	2,500	5,000,000	101,000	19/11/2024
CFPT2318	VPBankS	#N/A	8	2,800	#N/A	99,000	11/07/2024
CHDB2304	KISVN	9 tháng	3.4815	1,100	2,000,000	18,277	22/03/2024
CHDB2305	KISVN	8 tháng	3.4815	1,100	2,000,000	18,471	23/02/2024
CHDB2306	KISVN	12 tháng	3.4815	1,200	2,000,000	19,341	24/06/2024
CHPG2309	CK ACB	12 tháng	3	1,200	18,000,000	24,000	22/05/2024
CHPG2313	KISVN	10 tháng	4	1,100	8,000,000	23,333	28/02/2024
CHPG2314	PHS	9 tháng	2	1,500	3,000,000	21,450	27/02/2024
CHPG2315	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	27,777	21/06/2024
CHPG2316	KISVN	16 tháng	4	1,500	3,000,000	28,888	20/09/2024
CHPG2317	KISVN	8 tháng	4	1,200	3,000,000	26,888	23/02/2024
CHPG2318	KISVN	9 tháng	4	1,200	3,000,000	29,222	22/03/2024
CHPG2319	KISVN	12 tháng	4	1,400	3,000,000	30,111	24/06/2024
CHPG2321	VND	10 tháng	3	3,400	10,000,000	24,500	15/04/2024
CHPG2322	VND	13 tháng	2	2,900	8,000,000	30,000	15/07/2024
CHPG2326	SSI	9 tháng	4	1,300	30,000,000	27,500	03/05/2024
CHPG2328	HCM	9 tháng	2	2,400	10,000,000	28,500	03/05/2024
CHPG2329	HCM	12 tháng	2	2,800	10,000,000	29,000	02/08/2024
CHPG2330	CK ACB	7 tháng	3	1,400	12,000,000	31,000	14/03/2024
CHPG2331	SSI	12 tháng	6	1,000	23,000,000	28,000	07/10/2024
CHPG2332	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	28,500	08/11/2024
CHPG2333	SSI	14 tháng	6	1,100	21,000,000	29,000	06/12/2024
CHPG2334	SSI	16 tháng	8	1,000	25,000,000	29,500	07/01/2025
CHPG2335	KISVN	4 tháng	4	1,000	8,000,000	27,111	01/02/2024
CHPG2336	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	28,111	02/05/2024
CHPG2337	KISVN	9 tháng	4	1,300	4,000,000	29,666	03/07/2024
CHPG2338	KISVN	12 tháng	4	1,600	4,000,000	29,999	03/10/2024
CHPG2339	KISVN	15 tháng	2	4,100	3,000,000	30,222	02/01/2025
CHPG2340	MBS	6 tháng	3	1,800	3,000,000	25,000	22/04/2024
CHPG2341	VND	8 tháng	2	3,000	10,000,000	30,000	18/07/2024
CHPG2342	VND	12 tháng	10	1,300	8,000,000	24,000	19/11/2024
CHPG2343	VPBankS	#N/A	3	2,300	#N/A	28,000	12/06/2024
CMBB2306	CK ACB	12 tháng	1.6965	1,800	15,000,000	16,965	22/05/2024
CMBB2309	SSI	9 tháng	4	1,000	35,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2311	HCM	9 tháng	2	1,700	7,000,000	19,000	03/05/2024
CMBB2312	HCM	12 tháng	2	1,900	7,000,000	19,500	02/08/2024
CMBB2313	CK ACB	7 tháng	2	1,300	10,000,000	21,000	14/03/2024
CMBB2314	SSI	10 tháng	4	1,100	23,000,000	20,000	07/08/2024
CMBB2315	SSI	16 tháng	4	1,300	20,000,000	20,000	07/01/2025
CMBB2316	KISVN	7 tháng	10	1,000	1,700,000	17,999	02/05/2024
CMBB2317	VND	9 tháng	5	1,300	10,000,000	20,000	19/08/2024
CMBB2318	VND	10 tháng	4	2,500	5,000,000	18,000	19/09/2024
CMSN2302	CK ACB	12 tháng	6	3,300	3,000,000	66,000	22/05/2024
CMSN2305	KISVN	10 tháng	10	1,300	3,000,000	76,789	28/02/2024
CMSN2306	KISVN	8 tháng	10	1,200	2,000,000	79,999	23/02/2024
CMSN2307	KISVN	12 tháng	10	1,400	2,000,000	82,999	24/06/2024
CMSN2311	HCM	12 tháng	8	2,400	5,000,000	88,500	02/08/2024
CMSN2312	VCI	6 tháng	5	2,050	5,000,000	98,100	13/02/2024
CMSN2313	SSI	12 tháng	10	1,900	10,000,000	80,000	07/10/2024

CMSN2314	KISVN	4 tháng	10	1,000	3,000,000	78,999	01/02/2024
CMSN2315	KISVN	7 tháng	10	1,200	3,000,000	81,999	02/05/2024
CMSN2316	KISVN	12 tháng	10	2,000	3,000,000	83,979	03/10/2024
CMSN2317	KISVN	15 tháng	8	2,900	2,000,000	86,868	02/01/2025
CMWG2305	CK ACB	12 tháng	3.962	2,000	9,000,000	35,658	22/05/2024
CMWG2309	HCM	9 tháng	5	2,000	5,000,000	54,000	03/05/2024
CMWG2310	HCM	12 tháng	5	2,400	5,000,000	54,500	02/08/2024
CMWG2311	VCI	6 tháng	3	1,800	5,000,000	58,900	13/02/2024
CMWG2312	BSI	7 tháng	3	3,160	3,500,000	56,000	23/04/2024
CMWG2313	SSI	10 tháng	6	2,000	12,000,000	50,000	07/08/2024
CMWG2314	SSI	16 tháng	10	1,400	20,000,000	52,000	07/01/2025
CMWG2315	KISVN	7 tháng	20	1,000	1,300,000	48,888	02/05/2024
CMWG2316	CK ACB	11 tháng	6	1,400	10,000,000	48,000	21/08/2024
CMWG2317	MBS	6 tháng	6	1,300	2,000,000	50,000	22/04/2024
CMWG2318	VND	8 tháng	6	3,000	5,000,000	42,000	18/07/2024
CNVL2303	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	17,333	22/03/2024
CNVL2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	16,999	24/06/2024
CPDR2303	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	19,888	22/03/2024
CPDR2305	KISVN	12 tháng	4	1,300	3,000,000	20,222	24/06/2024
CPOW2304	KISVN	9 tháng	2	1,300	2,000,000	16,333	22/03/2024
CPOW2305	KISVN	8 tháng	2	1,200	2,000,000	14,999	23/02/2024
CPOW2306	KISVN	12 tháng	2	1,400	2,000,000	15,999	24/06/2024
CPOW2308	VND	10 tháng	5	1,300	10,000,000	12,000	15/04/2024
CPOW2309	VND	11 tháng	2	2,000	5,000,000	14,500	15/05/2024
CPOW2311	VCI	6 tháng	1	1,050	5,000,000	15,500	13/02/2024
CPOW2312	KISVN	4 tháng	2	1,000	3,000,000	12,222	01/02/2024
CPOW2313	KISVN	9 tháng	2	1,300	3,000,000	12,888	03/07/2024
CPOW2314	KISVN	12 tháng	2	1,600	3,000,000	13,111	03/10/2024
CPOW2315	KISVN	15 tháng	2	1,800	3,000,000	13,456	02/01/2025
CSHB2301	KISVN	4 tháng	2	1,000	8,000,000	11,333	01/02/2024
CSHB2302	KISVN	7 tháng	2	1,000	8,000,000	11,999	02/05/2024
CSHB2303	KISVN	9 tháng	2	1,100	8,000,000	12,345	02/07/2024
CSHB2304	KISVN	9 tháng	5	1,000	3,000,000	11,666	03/07/2024
CSHB2305	KISVN	12 tháng	5	1,000	3,000,000	12,555	03/10/2024
CSHB2306	KISVN	15 tháng	2	2,000	2,000,000	12,777	02/01/2025
CSTB2306	CK ACB	12 tháng	2	2,600	19,000,000	30,000	22/05/2024
CSTB2310	KISVN	10 tháng	5	1,200	8,000,000	30,333	28/02/2024
CSTB2312	KISVN	12 tháng	5	1,400	3,000,000	33,333	21/06/2024
CSTB2313	KISVN	16 tháng	5	1,500	3,000,000	35,555	20/09/2024
CSTB2314	KISVN	8 tháng	5	1,100	3,000,000	32,222	23/02/2024
CSTB2315	KISVN	9 tháng	5	1,100	3,000,000	34,333	22/03/2024
CSTB2316	KISVN	12 tháng	5	1,300	3,000,000	36,333	24/06/2024
CSTB2318	VND	11 tháng	4	2,000	6,000,000	32,000	15/05/2024
CSTB2319	VND	10 tháng	9	1,400	10,000,000	27,000	15/04/2024
CSTB2322	SSI	9 tháng	4	1,400	70,000,000	30,000	03/05/2024
CSTB2324	HCM	9 tháng	4	1,200	10,000,000	31,000	03/05/2024
CSTB2325	HCM	12 tháng	4	1,400	10,000,000	31,500	02/08/2024
CSTB2326	BSI	7 tháng	2	2,920	3,500,000	33,000	23/04/2024
CSTB2327	SSI	10 tháng	6	1,200	23,000,000	32,000	07/08/2024
CSTB2328	SSI	16 tháng	8	1,100	25,000,000	33,000	07/01/2025
CSTB2329	KISVN	4 tháng	4	1,000	8,000,000	31,888	01/02/2024
CSTB2330	KISVN	7 tháng	4	1,100	8,000,000	33,999	02/05/2024
CSTB2331	KISVN	9 tháng	5	1,100	4,000,000	34,999	03/07/2024
CSTB2333	KISVN	15 tháng	2	4,600	3,000,000	36,111	02/01/2025
CSTB2334	CK ACB	11 tháng	3	2,700	8,000,000	27,000	21/08/2024
CSTB2335	MBS	6 tháng	3	2,200	3,000,000	31,000	22/04/2024
CSTB2336	VND	6 tháng	5	2,000	5,000,000	31,000	17/05/2024
CSTB2337	VND	12 tháng	7	2,000	10,000,000	27,000	19/11/2024
CSTB2338	VPBankS	#N/A	3	2,100	#N/A	29,000	12/06/2024
CTCB2302	CK ACB	12 tháng	3	3,100	9,900,000	27,000	22/05/2024
CTCB2306	HCM	9 tháng	4	1,900	7,000,000	32,000	03/05/2024
CTCB2307	HCM	12 tháng	4	2,000	7,000,000	34,000	02/08/2024
CTCB2308	CK ACB	7 tháng	3	1,600	9,000,000	37,000	14/03/2024
CTCB2309	BSI	12 tháng	3	2,310	2,000,000	35,000	23/09/2024
CTCB2310	SSI	12 tháng	8	1,000	23,000,000	35,000	07/10/2024
CTCB2311	MBS	6 tháng	3	2,300	3,000,000	32,000	22/04/2024

CTCB2312	VPBankS	#N/A	3	2,500	#N/A	32,600	11/07/2024
CTPB2304	KISVN	7 tháng	4	1,000	2,500,000	18,888	02/05/2024
CTPB2305	KISVN	9 tháng	4	1,100	3,000,000	19,333	03/07/2024
CTPB2306	KISVN	12 tháng	2	2,500	2,000,000	19,888	03/10/2024
CVHM2302	CK ACB	12 tháng	4	3,800	8,000,000	50,000	22/05/2024
CVHM2305	KISVN	10 tháng	8	1,200	4,000,000	57,777	28/02/2024
CVHM2306	KISVN	8 tháng	8	1,100	2,000,000	60,666	23/02/2024
CVHM2307	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,666	24/06/2024
CVHM2311	HCM	12 tháng	5	2,800	7,000,000	60,500	02/08/2024
CVHM2312	HCM	9 tháng	5	2,800	7,000,000	56,000	03/05/2024
CVHM2313	SSI	12 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/10/2024
CVHM2314	KISVN	4 tháng	8	1,000	3,000,000	48,888	01/02/2024
CVHM2315	KISVN	7 tháng	8	1,100	3,000,000	50,888	02/05/2024
CVHM2316	KISVN	9 tháng	8	1,300	3,000,000	51,234	03/07/2024
CVHM2317	KISVN	12 tháng	8	1,500	3,000,000	52,345	03/10/2024
CVHM2318	KISVN	15 tháng	5	2,800	3,000,000	53,456	02/01/2025
CVHM2319	MBS	6 tháng	5	1,600	2,000,000	52,000	22/04/2024
CVIB2302	CK ACB	12 tháng	1.6185	2,000	9,000,000	18,613	22/05/2024
CVIB2304	SSI	10 tháng	3.8879	1,100	20,000,000	19,439	07/08/2024
CVIB2305	SSI	16 tháng	5.8318	1,000	25,000,000	21,383	07/01/2025
CVIB2306	CK ACB	11 tháng	1.9439	2,400	7,000,000	16,523	21/08/2024
CVIB2307	VND	9 tháng	4	2,000	5,000,000	21,000	19/08/2024
CVIC2304	KISVN	9 tháng	8	1,200	3,000,000	59,888	22/03/2024
CVIC2305	KISVN	8 tháng	8	1,100	2,000,000	61,111	23/02/2024
CVIC2306	KISVN	12 tháng	8	1,300	2,000,000	62,222	24/06/2024
CVIC2308	SSI	10 tháng	10	1,100	16,000,000	50,000	07/08/2024
CVIC2309	SSI	12 tháng	10	1,100	15,000,000	52,000	07/10/2024
CVIC2310	KISVN	4 tháng	8	1,000	5,000,000	49,999	01/02/2024
CVIC2311	KISVN	5 tháng	8	1,100	5,000,000	51,999	29/02/2024
CVIC2312	KISVN	9 tháng	10	1,100	4,000,000	52,345	03/07/2024
CVIC2313	KISVN	12 tháng	10	1,300	4,000,000	53,456	04/10/2024
CVIC2314	KISVN	15 tháng	5	2,900	3,000,000	54,567	02/01/2025
CVNM2304	KISVN	10 tháng	9.6134	1,200	3,000,000	68,254	28/02/2024
CVNM2305	KISVN	8 tháng	9.6134	1,100	2,000,000	70,498	23/02/2024
CVNM2306	KISVN	12 tháng	9.6134	1,300	2,000,000	72,634	24/06/2024
CVNM2308	HCM	9 tháng	7.9412	1,800	5,000,000	68,493	03/05/2024
CVNM2309	VCI	6 tháng	4.9632	1,100	5,000,000	81,397	13/02/2024
CVNM2310	SSI	10 tháng	9.9265	1,700	14,000,000	79,412	07/08/2024
CVNM2311	SSI	16 tháng	9.9265	2,200	12,000,000	79,412	07/01/2025
CVNM2312	KISVN	4 tháng	9.9265	1,000	3,000,000	79,411	01/02/2024
CVNM2313	KISVN	7 tháng	9.9265	1,100	3,000,000	83,362	02/05/2024
CVNM2314	KISVN	12 tháng	7.9412	1,600	3,000,000	86,249	03/10/2024
CVNM2315	KISVN	15 tháng	3.9706	4,400	3,000,000	88,234	02/01/2025
CVNM2316	MBS	6 tháng	9.9265	1,700	3,000,000	64,522	22/04/2024
CVPB2305	VND	10 tháng	2.8595	2,900	10,000,000	17,157	15/04/2024
CVPB2309	SSI	9 tháng	3.8126	1,100	35,000,000	21,446	03/05/2024
CVPB2311	HCM	9 tháng	1.9063	2,500	7,000,000	19,540	03/05/2024
CVPB2312	HCM	12 tháng	1.9063	2,700	7,000,000	20,016	02/08/2024
CVPB2313	VCI	6 tháng	1.9063	1,300	5,000,000	23,257	13/02/2024
CVPB2314	SSI	10 tháng	3.8126	1,100	20,000,000	22,876	07/08/2024
CVPB2315	SSI	16 tháng	5.719	1,000	25,000,000	23,352	07/01/2025
CVPB2316	KISVN	7 tháng	4.7658	1,000	3,000,000	22,357	02/05/2024
CVPB2317	KISVN	9 tháng	3.8126	1,100	2,000,000	22,875	03/07/2024
CVPB2318	KISVN	12 tháng	3.8126	1,300	2,000,000	23,416	03/10/2024
CVPB2319	KISVN	15 tháng	1.9063	3,100	2,000,000	23,946	02/01/2025
CVPB2320	MBS	6 tháng	2.8595	1,500	3,000,000	20,970	22/04/2024
CVPB2321	VND	9 tháng	7	1,200	10,000,000	18,000	19/08/2024
CVPB2322	VND	10 tháng	4	2,000	5,000,000	20,000	19/09/2024
CVRE2303	CK ACB	12 tháng	3	2,500	3,900,000	25,000	22/05/2024
CVRE2306	KISVN	10 tháng	5	1,200	5,000,000	29,333	28/02/2024
CVRE2307	KISVN	8 tháng	5	1,100	2,000,000	30,333	23/02/2024
CVRE2308	KISVN	12 tháng	5	1,300	2,000,000	31,333	24/06/2024
CVRE2313	HCM	12 tháng	4	1,600	5,000,000	29,500	02/08/2024
CVRE2314	VCI	6 tháng	3	1,050	5,000,000	34,100	13/02/2024
CVRE2315	SSI	12 tháng	8	1,000	25,000,000	30,000	07/10/2024
CVRE2316	KISVN	4 tháng	4	1,000	3,000,000	28,999	01/02/2024

CVRE2317	KISVN	7 tháng	4	1,100	3,000,000	29,999	02/05/2024
CVRE2318	KISVN	9 tháng	4	1,300	3,000,000	30,999	03/07/2024
CVRE2319	KISVN	12 tháng	4	1,600	3,000,000	31,777	03/10/2024
CVRE2320	KISVN	15 tháng	2	3,500	3,000,000	32,333	02/01/2025
CVRE2321	MBS	6 tháng	4	1,200	2,000,000	29,000	22/04/2024
CVRE2322	VND	8 tháng	3	3,000	5,000,000	24,000	18/07/2024
CVRE2323	VPBankS	#N/A	3	1,900	#N/A	24,800	12/06/2024

Nguồn: FiinPro, YSVN

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 months Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written.